

BỘ Y TẾ
QUỸ PHÒNG, CHỐNG TÁC HẠI CỦA THUỐC LÁ

HỎI & ĐÁP
VỀ PHÒNG CHỐNG TÁC HẠI CỦA THUỐC LÁ

Tài liệu dành cho cộng đồng, các cán bộ làm công tác Phòng chống tác hại của thuốc lá

Hà Nội, 2018

Trưởng Ban Biên tập:
PGS.TS. Lương Ngọc Khuê

Thành viên Ban Biên soạn:
ThS. Phan Thị Hải
ThS. Đỗ Thị Phi
CN. Nguyễn Thị Thu Hương

MỤC LỤC

I. TÁC HẠI CỦA HÚT THUỐC VÀ HÚT THUỐC THỤ ĐỘNG	
1. Trong khói thuốc lá có những chất độc gì?	
2. Chất gì trong thuốc lá gây nghiện?	
3. Thế nào là nghiện thuốc lá	
4. Thế nào gọi là nghiện tâm lý ?	
5. Thế nào gọi là nghiện hành vi ?	
6. Nicotine trong thuốc lá ảnh hưởng tới sức khoẻ như thế nào?	
7. Sử dụng thuốc lá gây ra những bệnh gì?	
8. Hút thuốc lá thụ động có nguy hiểm không?	
9. Tôi chỉ hút vài điếu thuốc lá mỗi ngày thì có hại không?	
10. Thuốc lá tẩu – thuốc láo – có an toàn hơn thuốc lá điếu không?	
11. Thuốc lá “nhẹ” có an toàn hơn thuốc lá điếu không	
12. Thuốc lá điện tử có an toàn hơn thuốc lá điếu không?	
13. Tôi có thể sử dụng thuốc lá điện tử để cai nghiện thuốc lá điếu không?	
14. Tại sao có người nghiện thuốc lá mà vẫn sống “thọ”?	
II. THỰC TRẠNG HÚT THUỐC VÀ HÚT THUỐC THỤ ĐỘNG TẠI VIỆT NAM, CÁC TỔN THẤT DO SỬ DỤNG THUỐC LÁ	
15. Tình hình sử dụng thuốc lá tại Việt Nam như thế nào?	
16. Thực trạng hút thuốc thụ động tại Việt Nam như thế nào?	
17. Gánh nặng bệnh tật do sử dụng thuốc lá tại Việt Nam như thế nào?	
18. Các tổn thất về kinh tế của việc sử dụng thuốc lá?	
III. CÁC QUY ĐỊNH CỦA LUẬT PHÒNG CHỐNG TÁC HẠI CỦA THUỐC LÁ	
19. Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá có nghiêm cấm mọi hành vi hút thuốc lá hay không?	
20. Hành vi tiếp thị thuốc lá trực tiếp tới người tiêu dùng có vi phạm pháp luật không?	
21. Việc đăng tải trên phương tiện thông tin đại chúng các thông tin về hoạt động tài trợ của các công ty kinh doanh thuốc lá có vi phạm pháp luật không?	
22. Vận động, ép buộc người khác sử dụng thuốc lá có phải là hành vi vi phạm pháp luật không?	
23. Địa điểm “trong nhà” theo quy định của Luật PCTH thuốc lá là thế	

nào?	
24. Theo Luật PCTH thuốc lá, những địa điểm nào cấm hút thuốc lá hoàn toàn cả trong nhà và trong phạm vi khuôn viên?	
25. Theo Luật PCTH thuốc lá, những địa điểm nào chỉ cấm hút thuốc lá hoàn toàn tại các khu vực trong nhà?	
26. Hành vi hút thuốc trên các phương tiện giao thông công cộng có vi phạm pháp luật không?	
27. Hút thuốc ở các khu vực trong nhà của các nhà hàng có vi phạm pháp luật không?	
28. Khách sạn/cơ sở lưu trú du lịch có được bố trí khu vực dành riêng cho người hút thuốc hay không? Các nơi dành riêng này phải đáp ứng tiêu chí gì?	
29. Nếu khách sạn không có đủ nguồn lực để thành lập nơi dành riêng cho người hút thuốc theo đúng quy định của Luật PCTH thuốc lá thì khách hút thuốc ở đâu?	
30. Việc kinh doanh thuốc lá tại các địa điểm cấm hút thuốc như trong khách sạn, nhà hàng có vi phạm Luật PCTH thuốc lá không?	
31. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, địa phương có trách nhiệm gì trong việc triển khai Luật Phòng chống tác hại của thuốc lá?	
32. Người đứng đầu, người quản lý các địa điểm cấm hút thuốc có quyền trách nhiệm gì trong việc triển khai Luật Phòng chống tác hại của thuốc lá?	
33. Nghĩa vụ của người hút thuốc lá là gì?	
34. Luật PCTH thuốc lá quy định như thế nào về chính sách thuế thuốc lá?	
35. Thuế tiêu thụ đặc biệt đối với sản phẩm thuốc lá tại Việt Nam rất thấp có đúng không?	
36. Giá thuốc lá tại Việt Nam so với các nước trong khu vực và trên thế giới như thế nào?	
37. Ý nghĩa của việc tăng thuế thuốc lá đối với việc giảm nhu cầu sử dụng, giảm mắc bệnh và tử vong do các bệnh liên quan đến sử dụng thuốc lá?	
38. Tăng thuế thuốc lá có phải là nguyên nhân làm tăng buôn lậu thuốc lá không?	
39. Thuốc lá nhập khẩu để tiêu thụ tại Việt Nam có phải in cảnh báo sức khỏe như các sản phẩm thuốc lá sản xuất trong nước không? Bán thuốc lá không in cảnh báo sức khỏe có vi phạm pháp luật không?	
40. Tại mỗi điểm bán lẻ thuốc lá được trưng bày mấy bao, tút/hộp của một nhãn hiệu thuốc lá?	
41. Bán thuốc lá cho người dưới 18 tuổi, sử dụng người chưa đủ 18 tuổi mua, bán thuốc lá có phải là hành vi vi phạm pháp luật không?	
42. Bán thuốc lá gần cổng trường học, cơ sở y tế (Trong phạm vi 100 m từ	

ranh giới gần nhất của khuôn viên cơ sở) có vi phạm pháp luật không?	
IV. CÁC QUY ĐỊNH VỀ XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH ĐỐI VỚI CÁC HÀNH VI VI PHẠM LUẬT PHÒNG CHỐNG TÁC HẠI CỦA THUỐC LÁ	
43. Hành vi hút thuốc lá tại các địa điểm có quy định cấm sẽ bị xử phạt như thế nào?	
44. Người đứng đầu, người quản lý các địa điểm cấm hút thuốc không thực hiện treo biển cấm hút thuốc lá tại các địa điểm do mình quản lý thì bị xử phạt vi phạm hành chính với mức tiền phạt là bao nhiêu?	
45. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, địa phương nếu không đưa nội dung phòng, chống tác hại của thuốc lá vào kế hoạch hoạt động hằng năm, không quy định cấm hút thuốc lá tại nơi làm việc thì bị xử phạt vi phạm hành chính với mức tiền phạt là bao nhiêu?	
46. Người đứng đầu, người quản lý các địa điểm cấm hút thuốc nếu không yêu cầu người vi phạm chấm dứt việc hút thuốc lá trong cơ sở của mình thì bị xử phạt vi phạm hành chính với mức tiền phạt là bao nhiêu?	
47. Người đứng đầu, người quản lý các địa điểm cấm hút thuốc thuốc không tổ chức thực hiện, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện đúng quy định về cấm hút thuốc lá tại địa điểm thuộc quyền quản lý, điều hành thì bị xử phạt vi phạm hành chính với mức tiền phạt là bao nhiêu?	
48. Điểm bán lẻ thuốc lá nếu trưng bày quá 1 bao, 1 tút hoặc một hộp của 1 nhãn hiệu thuốc lá thì bị xử phạt vi phạm hành chính với mức tiền phạt là bao nhiêu?	
49. Hành vi bán các sản phẩm thuốc lá không có cảnh báo sức khỏe trên bao bì sản phẩm bị xử phạt vi phạm hành chính với mức tiền phạt là bao nhiêu?	
50. Hành vi ép buộc người khác sử dụng thuốc lá bị xử phạt vi phạm hành chính với mức tiền phạt là bao nhiêu?	
51. Hành vi sử dụng hình ảnh thuốc lá trên báo chí, xuất bản phẩm dành riêng cho trẻ em bị xử phạt vi phạm hành chính với mức tiền phạt là bao nhiêu?	
52. Những người nào có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính các hành vi vi phạm quy định của Luật PCTH thuốc lá	
53. Những người nào có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính hành vi vi phạm quy định của Luật PCTH thuốc lá?	
54. Yêu cầu về việc lập biên bản vi phạm hành chính như thế nào??	
55. Khi nào thì việc xử phạt vi phạm hành chính được thực hiện mà không lập biên bản vi phạm hành chính?	
56. Khi nào thì việc xử phạt vi phạm hành chính được thực hiện mà cần lập biên bản vi phạm hành chính?	

57. Thủ tục xử phạt vi phạm hành chính?	
58. Thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định của Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá? ?	
59. Giám đốc bệnh viện/người đứng đầu các cơ sở y tế có thẩm quyền vi phạm hành chính đối với hành vi hút thuốc lá trong cơ sở y tế hay không?	
60. Nếu phát hiện hành vi vi phạm quy định cấm hút thuốc tại các địa điểm trong nhà của nhà ga, bến xe thì có thể báo với những người nào để xử lý? Những người nào có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính?	
61. Cán bộ, Công chức, viên chức hút thuốc lá tại địa điểm có quy định cấm thì bị xử lý vi phạm hành chính hay bị xử lý theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức?	
62. Thanh tra chuyên ngành Giao thông có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính hành vi hút thuốc lá tại các địa điểm cấm hút thuốc của nhà ga, bến xe hay không?	
63. Các hình thức, thủ tục thu, nộp tiền phạt hành vi vi phạm hành chính được quy định trong văn bản pháp luật nào? Quy định như thế nào? các quy định đã rõ ràng hay chưa?	
64. Mẫu biên bản vi phạm hành chính, quyết định xử phạt vi phạm hành chính quy định ở văn bản pháp luật nào?	
V. MỘT SỐ NỘI DUNG KHÁC	
65. Quỹ PCTH thuốc lá được thành lập từ khi nào?	
66. Các nội dung ưu tiên trong hoạt động PCTH thuốc lá hiện nay là gì?	
67. Định hướng công tác truyền thông phòng chống tác hại của thuốc lá đến năm 2020 tập trung vào những nội dung gì?	
68. Một số kết quả hỗ trợ thực hiện Luật PCTH Thuốc lá trong thời gian qua của Quỹ?	
69. Hiện nay có bao nhiêu nước đã in cảnh báo sức khoẻ bằng hình ảnh trên bao bì các sản phẩm thuốc lá?	
70. Bao gói thuốc lá “trơn” là gì? Có bao nhiêu nước đã thực hiện bao gói Trơn	
71. Tôi muốn cai nghiện thuốc lá, tôi có thể lấy thông tin tư vấn cai nghiện thuốc lá ở đâu?	
72. Khi bỏ thuốc, một số người sẽ tăng cân. Liệu việc này có làm tăng thêm nguy cơ bệnh tim mạch?	

1. Trong khói thuốc lá có những chất độc gì?

Theo báo cáo năm 2010 của Tổng hội Y khoa Hoa kỳ, khói thuốc lá chứa 7.000 hóa chất, trong đó có 69 chất gây ung thư. Một số chất độc hại điển hình trong khói thuốc lá gồm:

Hắc ín (Tar)

Hắc ín hay còn gọi là nhựa thuốc lá, có màu đen và quánh giống như nhựa đường, chứa rất nhiều chất gây ung thư.

Carbon monoxide (khí CO):

Khí CO trong khói thuốc lá khi hấp thụ vào máu sẽ gắn kết rất chặt với hemoglobine trong hồng cầu, làm giảm khả năng vận chuyển oxy của hồng cầu, giảm nồng độ oxy trong máu, làm máu đặc hơn và làm tăng gánh nặng cho tim.

Khí CO góp phần hình thành các mảng xơ vữa động mạch đồng thời làm suy giảm sự hấp thụ các chất dinh dưỡng thiết yếu và ảnh hưởng đến sự tăng trưởng và điều chỉnh cơ thể, liên quan đến bệnh tim, đột quỵ và các vấn đề tuần hoàn khác.

Benzene :

Là một chất sinh ung thư được tìm thấy trong khói của dầu khí hay trong thuốc trừ sâu bọ. Chất này có nồng độ rất cao trong khói thuốc lá, lượng Benzene tác động đến con người từ khói thuốc lá chiếm một nửa lượng Benzene xâm nhập vào con người từ tất cả các nguồn.

Nitrosamines:

Là một chất gây ung thư rất mạnh có nhiều trong khói thuốc và cả trong các sản phẩm thuốc lá không khói.

Ammonia

Là một chất được sử dụng trong thuốc kích thích tăng trưởng và trong các sản phẩm tẩy rửa. Trong sản xuất thuốc lá, chất này được sử dụng tăng cường khả năng hấp thụ Nicotine của niêm mạc đường hô hấp, vì thế cùng một lượng khói thuốc hít vào, lượng Nicotine được hấp thụ tăng lên.

Formaldehyde

Dung dịch dùng trong ướp xác, và nó cũng có nhiều trong khói thuốc. Chất này gây kích thích mũi, họng và mắt của người hút thuốc khi hít phải khói thuốc lá.

Polycyclic aromatic hydrocarbon (PAH):

Là một chất gây ung thư tìm thấy trong dầu đi ê zen và sản phẩm đốt cháy khác.

2. Chất gì trong thuốc lá gây nghiện?

Nicotine là một chất gây nghiện có trong thuốc lá, được hấp thụ vào máu và ảnh hưởng đến não bộ trong khoảng 10 giây sau khi hút vào. Sau mỗi lần hít một hơi thuốc lá, Nicotine gây tăng nhịp đập của tim, co thắt mạch máu ở tim, tăng mạch và huyết áp.

Cơ quan Kiểm soát Dược và thực phẩm Hoa Kỳ (FDA) xếp nicotine vào nhóm các chất có tính chất dược lý gây nghiện mạnh, tương tự Heroin và Cocain. Khi Nicotine

trong khói thuốc gắn kết thụ thể Nicotine trên các tế bào thần kinh tại “trung tâm thưởng” ở hệ viền não bộ, các hóa chất trung gian dẫn truyền thần kinh được phóng thích gây ra một loạt các phản ứng hóa học tạo ra nhiều tác động tâm thần kinh như cảm giác sảng khoái, vui vẻ, tăng hoạt động nhận thức. Tuy nhiên cảm giác đó sẽ mau qua đi sau vài phút. Khi nồng độ Nicotine trong cơ thể giảm xuống, người hút thuốc sẽ cảm thấy bứt rứt, căng thẳng; không tập trung được; buồn bã, lo lắng; rối loạn giấc ngủ... vì vậy để có sự thoải mái, người hút thuốc phải tiếp tục hút thuốc.

Ở những người sử dụng thuốc lá, Nicotine được tìm thấy ở tất cả các cơ quan, bộ phận trong cơ thể và trong cả sữa mẹ. Đối với những người hút trên 15 điếu thuốc một ngày, nồng độ Nicotine trong máu luôn ở mức cao làm cho việc cai thuốc trở lên khó khăn hơn rất nhiều ¹.

3. Thế nào là nghiện thuốc lá

Nghiện thuốc lá được hiểu một cách đơn giản là việc mất hoàn toàn tự do nói KHÔNG với thuốc lá. Người nghiện thuốc lá không thể không hút thuốc lá, ngược lại bị bắt buộc phải hút nếu không sẽ bị cảm giác “đói” thuốc. Người nghiện phải hút liên tục nhiều tháng nhiều năm, thậm chí nhiều người hút thuốc lá ngay khi đã mắc các bệnh do thuốc lá gây ra. Nghiện thuốc lá xuất hiện là hậu quả của các hiệu ứng tâm thần kinh do chất gây nghiện nicotine gây ra. Nghiện thuốc lá thường là kết hợp của nghiện tâm lý, hành vi với nghiện thực thể - dược lý.

4. Thế nào gọi là nghiện tâm lý ?

Nghiện tâm lý là khi người nghiện hút thuốc lá để tìm kiếm các hiệu ứng tâm thần kinh khi hút thuốc lá ví dụ: sảng khoái, hưng phấn, tăng khả năng tập trung chú ý. Đặc điểm nghiện thuốc lá tâm lý trên mỗi người là khác nhau bởi vì nghiện tâm lý tùy thuộc vào hoàn cảnh, không gian, thời gian, và nhu cầu hiệu ứng tâm thần kinh tương ứng với hoàn cảnh cụ thể ấy. Ví dụ: người nghiện thuốc lá tâm lý sẽ hút thuốc lá khi uống cà phê cùng bạn bè để tìm cảm giác sảng khoái, hút thuốc lá khi làm việc để tăng mức độ tập trung, hút thuốc lá trước khi bước vào giải quyết một tình huống căng thẳng, nguy hiểm để giảm căng thẳng .v.v.

5. Thế nào gọi là nghiện hành vi ? Nghiện thực thể, dược lý?

Nghiện hành vi là khi người nghiện hút thuốc lá như là một phản xạ có điều kiện đã phát sinh trong một hoàn cảnh cụ thể. Họ hút theo phản xạ chứ không phải là do nhu cầu cơ thể thực sự thiếu nicotine. Theo đó, hành vi hút thuốc lá xuất hiện trong các tình huống cụ thể, lặp đi lặp lại, theo đúng thứ tự trong thời gian dài. Ví dụ: sau khi ăn cơm xong → hút, khi uống cà phê vào buổi sáng → hút, gặp bạn hữu → hút.

Nghiện thực thể, dược lý Một người hút thuốc lá được gọi là nghiện thực thể - dược lý khi việc hút thuốc lá đã trở thành một nhu cầu cần thiết, không thể thiếu, không thể cưỡng lại được trong cuộc sống. Cơ thể họ cần nicotine để có thể hoạt động bình thường, vì khi thiếu nicotine, sẽ xuất hiện các triệu chứng của hội chứng cai thuốc lá như là: Thèm hút thuốc lá mãnh liệt; Cảm giác kích thích, bứt rứt, căng thẳng; Không tập trung

¹ http://www.medindia.net/patients/patientinfo/tobacco_effects.htm.

được; Buồn bã, lo lắng; Thèm ăn; Rối loạn giấc ngủ. Và các triệu chứng này sẽ biến mất ngay khi họ hút thuốc lá trở lại.

6. Nicotine trong thuốc lá ảnh hưởng tới sức khỏe như thế nào?

Các nghiên cứu cho thấy sử dụng nicotine làm tăng nhịp tim và huyết áp, tăng đường máu. Nghiện nicotine lâu dài gây xơ vữa động mạch, các bệnh về tim mạch, tiểu đường. Sử dụng nicotine quá liều lượng gây nguy hiểm cho sức khỏe con người.

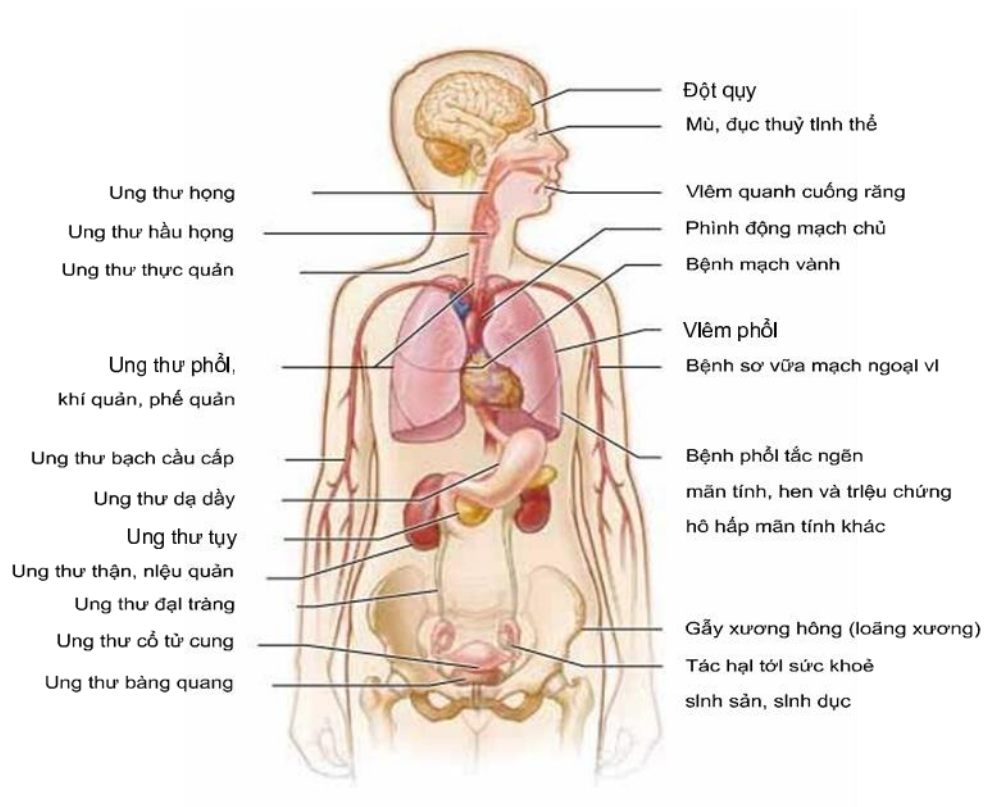
Ngoài ra, báo cáo của Tổ chức Y tế thế giới cho thấy Nicotin là một thành phần gây nghiện trong thuốc lá, có thể có ảnh hưởng xấu tới quá trình mang thai. Bản thân nicotin không phải là một chất gây ung thư, nhưng nó có khả năng “thúc đẩy hình thành khối u

7. Hút thuốc lá ảnh hưởng tới sức khỏe như thế nào?

Khói thuốc lá chứa hơn 7.000 hóa chất trong đó có 69 chất gây ung thư. Sử dụng thuốc lá gây ra 25 loại bệnh, chủ yếu thuộc 4 nhóm chính gồm:

1. Nhóm các bệnh ung thư, với 11 loại ung thư do hút thuốc gây ra trong đó nguy hiểm và thường gặp: nhất là ung thư phổi, khí phế quản, ung thư thanh quản, ung thư khoang miệng, ung thư vòm họng;
2. Nhóm bệnh tim mạch, bao gồm: tai biến mạch não và nhồi máu cơ tim;
3. Nhóm các bệnh hô hấp gồm: viêm đường hô hấp và bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính;
4. Nhóm các bệnh về sinh sản và sinh dục ở cả hai giới như: giảm chất lượng tinh trùng, bất lực ở nam giới; tăng nguy cơ vô sinh, đẻ non, sảy thai, thai lưu ở nữ giới.

Mỗi năm thuốc lá gây ra gần 6 triệu ca tử vong, con số này sẽ tăng thành hơn 8 triệu người một năm vào năm 2020, trong đó 70% số ca tử vong sẽ xảy ra ở các nước đang phát triển. Nếu các biện pháp phòng chống tác hại thuốc lá hiệu quả không được thực hiện thì trong thế kỷ này sử dụng thuốc lá sẽ giết chết 1 tỷ người.



Hình 4: Tác hại của thuốc lá đối với sức khỏe. Nguồn WHO. 2016.

8. Hút thuốc lá thụ động có nguy hiểm không?

Người không hút thuốc nhưng hít phải khói thuốc của người khác được gọi là hút thuốc thụ động. Người hút thuốc thụ động cũng có nguy cơ mắc các bệnh giống như người hút thuốc: ung thư, đột quỵ, các bệnh về hô hấp và tim mạch...

Hút thuốc thụ động đặc biệt nguy hiểm cho trẻ em vì phổi của trẻ chưa phát triển hoàn thiện và nhạy cảm hơn với các chất kích thích và chất độc trong khói thuốc. Trẻ có bố mẹ hút thuốc sẽ bị giảm các chức năng của phổi và dễ gặp các vấn đề sức khỏe. Hút thuốc thụ động ở trẻ em có thể gây viêm đường hô hấp, hen, viêm tai giữa, đột tử ở trẻ sơ sinh (SID), kém phát triển chức năng phổi và làm tăng nguy cơ mắc nhiều loại bệnh khác.

Người mẹ hít phải khói thuốc lá nhiều trong thời gian mang thai: dễ bị sảy thai; Tăng nguy cơ thai chết lưu; Làm chậm quá trình phát triển của thai nhi; Con sinh ra thường thiếu cân, kém thông minh;

9. Tôi chỉ hút vài điếu thuốc lá mỗi ngày thì có hại không?

Hút thuốc lá cho dù chỉ là hút vài điếu mỗi ngày, hoặc lâu lâu mới hút một lần cũng đều có hại cho sức khỏe. Trong hút thuốc lá không có cái gọi là “ngưỡng an toàn” nghĩa là không có một mức mà hút dưới mức đó thì an toàn cho sức khỏe.

10. Thuốc lào – có an toàn hơn thuốc lá điếu không?

Khói thuốc lào qua nước trước khi vào cơ thể. tuy nhiên do quá trình cháy ở hút thuốc lào xảy ra ở môi trường ít oxy hơn vì thể lượng oxyde carbon (CO) lại cao hơn để gây ngộ độc CO hơn.

11. Thuốc lá “nhẹ” có thật sự ít hại cho sức khỏe?

Thực tế là không có loại thuốc lá nào an toàn cho sức khỏe! Nhiều người hút thuốc lựa chọn loại thuốc lá “ít hắc ín (low tar), nhẹ (light), siêu nhẹ (ultra light), dịu êm (mild) vì tin rằng loại thuốc lá này ít các chất độc hại hơn các loại thuốc lá khác. Tuy nhiên, các nghiên cứu cho thấy sử dụng các loại thuốc lá này không hạn chế được tác hại của thuốc lá. Nguyên nhân do mỗi người nghiện thuốc đều cần có một “ngưỡng” nicotin nhất định, vì vậy, khi hút những loại thuốc “nhẹ”, họ sẽ buộc phải hít sâu hơn, hút nhiều hơn để bù lại hàm lượng nicotine mà cơ thể đã quen đòi hỏi. Chính việc hút bù này làm cơ thể tiếp xúc nhiều hơn các chất độc hại có trong khói thuốc.

Luật Phòng chống tác hại thuốc lá cũng đã cấm sử dụng các từ, cụm từ: “ít hắc ín (low tar), nhẹ (light), siêu nhẹ (ultra light), dịu êm (mild) hoặc các từ, cụm từ khác làm người hút hiểu nhầm loại thuốc lá này ít có ảnh hưởng tới sức khỏe hơn loại thuốc lá khác.

12. Thuốc lá điện tử có an toàn hơn thuốc lá điều không?

Hiện nay chưa có bằng chứng quốc tế chứng minh tính an toàn của thuốc lá điện tử. Trong thuốc lá điện tử có nicotine, làm tăng nhịp tim và huyết áp, tăng đường máu. Nghiện nicotine lâu dài gây xơ vữa động mạch, các bệnh về tim mạch, tiểu đường. Sử dụng nicotine quá liều lượng gây nguy hiểm cho sức khỏe, đồng thời Glycol là một hóa chất độc hại được sử dụng trong chất chống đông, có khả năng gây ung thư- cũng có trong thuốc lá điện tử.

13. Tôi có thể sử dụng thuốc lá điện tử để cai nghiện thuốc lá điều không?

Hiện nay chưa có bằng chứng quốc tế chứng minh thuốc lá điện tử có tác dụng cai nghiện thuốc lá điều thông thường: Trên thế giới vẫn chưa có sản phẩm thuốc lá điện tử nào được các cơ quan chính phủ đánh giá và phê duyệt sử dụng để hỗ trợ cai thuốc. Với một số lượng lớn người hút thuốc, việc sử dụng thuốc lá điện tử sẽ chỉ làm giảm việc hút thuốc chứ không khiến họ bỏ thuốc hẳn. Điều này sẽ dẫn tới việc người hút sử dụng đồng thời cả thuốc lá thường và thuốc lá điện tử và như vậy tác hại sẽ không lường. Bên cạnh đó, việc sử dụng các chất tạo hương vị hoa quả, kẹo trong dung dịch thuốc lá điện tử với cách quảng cáo về sự sành điệu rất dễ dàng lôi kéo các bạn trẻ thử thuốc lá điện tử, từ đó dẫn đến nguy cơ nghiện thuốc lá điều thông thường.

14. Tại sao có người nghiện thuốc lá mà vẫn sống “thọ”?

Thực tế có thể thấy một số người hút thuốc nhiều năm mà vẫn không mắc bệnh hoặc vẫn sống lâu, tuy nhiên đó chỉ là những hiện tượng cá biệt, nếu tính trên toàn thể cộng đồng thì 90% số người ung thư phổi, 75% số người mắc bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính là người hút thuốc lá.

Do sức đề kháng đối với bệnh tật của mỗi người mỗi khác, có những người bệnh xuất hiện chỉ sau một thời gian ngắn hút thuốc, nhưng có những người mắc bệnh muộn hơn, thậm chí là sau 30 năm kể từ khi hút thuốc. Tuy nhiên, chúng ta không thể biết được ai là người dễ mắc các bệnh do hút thuốc. Vì vậy, tốt nhất là không hút thuốc, nếu đã hút thì bỏ thuốc càng sớm càng tốt.

II. THỰC TRẠNG HÚT THUỐC VÀ HÚT THUỐC THỤ ĐỘNG TẠI VIỆT NAM, CÁC TỒN THẤT DO SỬ DỤNG THUỐC LÁ

15. Tình hình sử dụng thuốc lá tại Việt Nam như thế nào?

Theo Điều tra toàn cầu về tình hình sử dụng thuốc lá ở người trưởng thành năm 2015, tại Việt Nam:

Tỷ lệ hút thuốc:

- 45,3% nam giới, 1,1% nữ giới và tính chung là 22,5% người trưởng thành (tương đương 15,6 triệu người) hiện đang hút thuốc lá, thuốc lào.
- 36,7% nam giới, 0,8% nữ giới và tính chung là 18,2% người trưởng thành (tương đương 12,6 triệu người) đang hút thuốc lá điếu.
- 13,7% nam giới, 0,2% nữ giới và tính chung là 6,7% người trưởng thành (tương đương 4,7 triệu người) đang hút thuốc lào.
- Cứ 2 nam giới trưởng thành Việt Nam, có 1 người hút thuốc
- Việt Nam đứng thứ 3 trong khu vực ASEAN và đứng thứ 9 trên thế giới về số người hút thuốc cao nhất.

16. Thực trạng hút thuốc thụ động ở người không hút thuốc tại Việt Nam như thế nào?

- 53,5% người không hút thuốc (tương đương 28,5 triệu người) bị phơi nhiễm với khói thuốc lá tại gia đình.
- 36,8% người không hút thuốc (tương đương 5,9 triệu người) làm việc tại các khu vực trong nhà (có mái che và tường bao) bị phơi nhiễm với khói thuốc lá tại nơi làm việc.
- 18,5% người không hút thuốc (tương đương 1,4 triệu người) bị phơi nhiễm với khói thuốc lá trên phương tiện giao thông công cộng.
- 16% người không hút thuốc (tương đương 2,8 triệu người) bị phơi nhiễm với khói thuốc lá tại trường học.

17. Gánh nặng bệnh tật do sử dụng thuốc lá tại Việt Nam như thế nào?

Tại Việt Nam, Theo Điều tra năm 2015, tỷ lệ nam giới hút thuốc là 45,34% (trung bình cứ 2 nam giới có 1 người hút thuốc). Sử dụng gây ra các tổn thất về sức khỏe và kinh tế. Tỷ lệ bệnh nhân ung thư phổi có hút thuốc là 96,8%. Nghiên cứu của Viện Chiến lược và chính sách y tế năm 2011 cũng cho thấy bệnh tật và tử vong sớm do sử dụng thuốc lá chiếm 12% tổng gánh nặng bệnh tật tại Việt Nam. Theo thống kê của Tổ chức Y tế Thế giới, mỗi năm tại Việt Nam có khoảng 40.000 người tử vong do các bệnh có liên quan đến sử dụng thuốc lá. Số trường hợp tử vong do các bệnh không lây nhiễm tại Việt Nam chiếm 73% tổng số ca tử vong do bệnh tật và thương tích, mà một trong những nguyên nhân là do tỷ lệ sử dụng thuốc lá cao.

18. Các tổn thất về kinh tế của việc sử dụng thuốc lá?

Mặc dù ngành công nghiệp thuốc lá có những đóng góp cho ngân sách quốc gia, nhưng phần đóng góp của ngành công nghiệp thuốc lá không đủ để bù đắp những tổn thất kinh tế và sức khỏe do sử dụng thuốc lá gây ra đối với các cá nhân, gia đình và xã hội. Những tổn thất này bao gồm chi tiêu cho hút thuốc, chi cho khám, điều trị bệnh do hút

thuốc gây ra, do mất khả năng lao động vì bệnh tật và tử vong sớm, tổn thất do cháy nổ, ô nhiễm môi trường.

Điều tra tình hình sử dụng thuốc lá ở người trưởng thành tại Việt Nam cho thấy năm 2015, số tiền người dân Việt Nam chi mua thuốc lá là **31 nghìn tỷ đồng**. Tính trung bình, mỗi năm một người hút thuốc lá tại Việt Nam bỏ ra 2, 7 triệu đồng để mua thuốc lá. Bên cạnh đó, tổng chi phí điều trị và tổn thất do mất khả năng lao động vì ốm đau và tử vong sớm 5 nhóm bệnh trong số 25 bệnh do sử dụng thuốc lá gây ra là ung thư phổi, ung thư đường tiêu hóa-hô hấp trên, bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính, nhồi máu cơ tim, đột quỵ là hơn **23 nghìn tỷ đồng/năm**.

III. CÁC QUY ĐỊNH CỦA LUẬT PHÒNG CHỐNG TÁC HẠI CỦA THUỐC LÁ (PCTH thuốc lá)

19. Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá có nghiêm cấm mọi hành vi hút thuốc lá hay không?

Luật PCTH thuốc lá không nghiêm cấm hành vi hút thuốc. Luật PCTH thuốc lá quy định các biện pháp nhằm giảm nhu cầu sử dụng thuốc lá, các biện pháp kiểm soát nguồn cung cấp các sản phẩm thuốc lá, các biện pháp đảm bảo thực hiện Luật nhằm giảm tỷ lệ hút thuốc, giảm bệnh tật và tử vong do các bệnh liên quan đến sử dụng thuốc lá để bảo vệ sức khỏe cộng đồng.

20. Hành vi tiếp thị thuốc lá trực tiếp tới người tiêu dùng có vi phạm pháp luật không?

Khoản 2 Điều 9 Luật PCTH thuốc lá quy định: Nghiêm cấm Quảng cáo, khuyến mại thuốc lá; tiếp thị thuốc lá trực tiếp tới người tiêu dùng dưới mọi hình thức. Như vậy việc thực hiện tiếp thị thuốc lá tới người tiêu dùng là hành vi vi phạm pháp luật.

21. Việc đăng tải trên phương tiện thông tin đại chúng các thông tin về hoạt động tài trợ của các công ty kinh doanh thuốc lá có vi phạm pháp luật không?

Khoản 3 Điều 9 Luật PCTH thuốc lá quy định: Nghiêm cấm hoạt động tài trợ của tổ chức, cá nhân kinh doanh thuốc lá, trừ trường hợp tài trợ cho chương trình xóa đói, giảm nghèo; phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, thảm họa; phòng, chống buôn lậu thuốc lá và không được thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng về việc tài trợ đó.

Như vậy, việc đăng tải thông tin về mọi hoạt động tài trợ trên các phương tiện thông tin đại chúng là vi phạm pháp luật

22. Vận động, ép buộc người khác sử dụng thuốc lá có phải là hành vi vi phạm pháp luật không?

Khoản 2 Điều 9 Luật PCTH thuốc lá quy định: nghiêm cấm vận động, ép buộc người khác sử dụng thuốc lá. Như vậy, việc vận động, ép buộc người khác sử dụng thuốc lá là vi phạm pháp luật.

23. Địa điểm “trong nhà” và “nơi công cộng theo quy định của Luật PCTH thuốc lá là thế nào?

Luật PCTH thuốc lá quy định:

Trong nhà là nơi có mái che và có một hay nhiều bức tường chắn hoặc vách ngăn xung quanh.

Địa điểm công cộng là nơi phục vụ chung cho nhu cầu của nhiều người

24. Theo Luật PCTH thuốc lá, những địa điểm nào cấm hút thuốc lá hoàn toàn cả trong nhà và trong phạm vi khuôn viên?

Khoản 1 Điều 11 Luật PCTH thuốc lá quy định: Địa điểm cấm hút thuốc lá hoàn toàn trong nhà và trong phạm vi khuôn viên bao gồm: Cơ sở y tế; Cơ sở giáo dục (từ mầm non cho đến hết cấp Trung học phổ thông); Cơ sở chăm sóc, nuôi dưỡng, vui chơi, giải trí dành riêng cho trẻ em; Cơ sở hoặc khu vực có nguy cơ cháy, nổ cao.

25. Theo Luật PCTH thuốc lá, những địa điểm nào chỉ cấm hút thuốc lá hoàn toàn tại các khu vực trong nhà?

Khoản 2 Điều 11 Luật PCTH thuốc lá quy định địa điểm cấm hút thuốc lá hoàn toàn trong nhà bao gồm:

Nơi làm việc; Trường cao đẳng, đại học, học viện; Địa điểm công cộng (bao gồm khu vực trong nhà của các nhà hàng, khu vực trong nhà của bến tàu, bến xe, nhà ga, bến cảng, rạp hát, rạp chiếu phim và các nơi công cộng trong nhà khác); Trên ô tô, tàu bay, tàu điện.

26. Hút thuốc ở các khu vực trong nhà của các nhà hàng có vi phạm pháp luật không?

Hút thuốc ở các khu vực trong nhà của các nhà hàng là hành vi vi phạm quy định tại Điểm C Khoản 2 Điều 11 Luật PCTH của thuốc lá.

27. Khách sạn/cơ sở lưu trú du lịch có được bố trí khu vực dành riêng cho người hút thuốc hay không? Các nơi dành riêng này phải đáp ứng tiêu chí gì?

Điểm b Khoản 1 Điều 12 Luật PCTH thuốc lá quy định: khách sạn và cơ sở lưu trú du lịch thuộc địa điểm cấm hút thuốc lá trong nhà nhưng được phép có nơi dành riêng cho người hút thuốc lá.

Nơi dành riêng cho người hút thuốc phải bảo đảm Có phòng và hệ thống thông khí tách biệt với khu vực không hút thuốc lá; Có dụng cụ chứa các mẫu, tàn thuốc lá; có biển báo tại các vị trí phù hợp, dễ quan sát; Có thiết bị phòng cháy, chữa cháy.

28. Nếu khách sạn không có đủ nguồn lực để thành lập nơi dành riêng cho người hút thuốc theo đúng quy định của Luật PCTH thuốc lá thì khách hút thuốc ở đâu?

Khoản 3 Điều 12 Luật PCTH thuốc lá cũng quy định: Khuyến khích người đứng đầu địa điểm trên thực hiện việc không hút thuốc lá hoàn toàn trong nhà.

Như vậy trong trường hợp khách sạn không có đủ nguồn lực để thành lập nơi dành riêng cho người hút thuốc theo đúng quy định của Luật PCTH thuốc lá thì người đứng đầu nên tổ chức thực hiện việc cấm hút thuốc lá hoàn toàn tại các khu vực trong nhà của khách sạn, người hút thuốc phải ra hẳn khu vực ngoài trời mới được hút thuốc

29. Việc kinh doanh thuốc lá tại các địa điểm cấm hút thuốc như trong khách sạn, nhà hàng có vi phạm Luật PCTH thuốc lá không?

Khoản 7 Điều 9 Luật PCTH thuốc lá quy định: Nghiêm cấm bán thuốc lá tại địa điểm có quy định cấm hút thuốc. Như vậy việc bán thuốc lá tại các khách sạn, các khu vực trong nhà của nhà hàng, cơ sở y tế, trường học, trên phương tiện giao thông công cộng ...là vi phạm quy định của pháp luật.

30. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, địa phương có trách nhiệm gì trong việc triển khai Luật Phòng chống tác hại của thuốc lá?

Điều 6 Luật PCTH thuốc lá quy định người đứng đầu cơ quan, tổ chức, địa phương phải Đưa nội dung phòng, chống tác hại của thuốc lá vào kế hoạch hoạt động hằng năm, quy định không hút thuốc lá tại nơi làm việc vào quy chế nội bộ; Đưa quy định về việc hạn chế hoặc không hút thuốc lá trong các đám cưới, đám tang, lễ hội trên địa bàn dân cư vào hương ước; Gương mẫu thực hiện và vận động cơ quan, tổ chức, địa phương thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tác hại của thuốc lá.

31. Người đứng đầu, người quản lý các địa điểm cấm hút thuốc có quyền trách nhiệm gì trong việc triển khai Luật Phòng chống tác hại của thuốc lá

Điều 14 Luật PCTH thuốc lá quy định Người đứng đầu, người quản lý các địa điểm cấm hút thuốc:

Có quyền

- Buộc người vi phạm chấm dứt việc hút thuốc lá tại địa điểm cấm hút thuốc lá; xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật;
- Yêu cầu người vi phạm quy định cấm hút thuốc lá ra khỏi cơ sở của mình;
- Từ chối tiếp nhận hoặc cung cấp dịch vụ cho người vi phạm quy định cấm hút thuốc lá nếu người đó tiếp tục vi phạm sau khi đã được nhắc nhở.

Có trách nhiệm

- Tổ chức thực hiện, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc mọi người thực hiện đúng quy định về cấm hút thuốc lá tại địa điểm thuộc quyền quản lý, điều hành;
- Treo biển có chữ hoặc biểu tượng cấm hút thuốc lá tại địa điểm cấm hút thuốc lá.

33. Nghĩa vụ của người hút thuốc lá là gì?

Điều 13 Luật PCTH thuốc lá quy định người hút thuốc lá có nghĩa vụ : Không hút thuốc lá tại địa điểm có quy định cấm hút thuốc lá; Không hút thuốc lá trong nhà khi có trẻ em, phụ nữ mang thai, người bệnh, người cao tuổi; Giữ vệ sinh chung, bỏ tàn, mẩu thuốc lá đúng nơi quy định khi hút thuốc lá tại những địa điểm được phép hút thuốc lá.

34. Luật PCTH thuốc lá quy định như thế nào về chính sách thuế thuốc lá?

Điều 4 Luật PCTH thuốc lá quy định: Áp dụng chính sách thuế phù hợp để giảm tỷ lệ sử dụng thuốc lá. Đồng thời Nghị quyết số 20/NQ-TW ngày 25/1/2017 về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình đã yêu cầu: Tăng thuế tiêu thụ đặc biệt đối với các hàng hoá có hại cho sức khỏe như đồ uống có cồn, có ga, thuốc lá để hạn chế tiêu dùng.

35. Thuế tiêu thụ đặc biệt đối với sản phẩm thuốc lá tại Việt Nam rất thấp có đúng không?

Hiện nay, thuế tiêu thụ đặc biệt đối với thuốc lá của Việt Nam tính trên giá xuất xưởng là 70%. Thuế tiêu thụ đặc biệt (TTDB) đối với thuốc lá tại Việt Nam thấp gần nhất so với các nước trong khu vực (thuế thuốc lá của Thái Lan là 670% giá xuất xưởng; của Philippine là.....) và rất thấp so với các nước phát triển (ví dụ:.....)

36. Giá thuốc lá tại Việt Nam so với các nước trong khu vực và trên thế giới như thế nào?

Chính vì thuế thấp nên giá thuốc lá ở Việt Nam cũng thuộc loại rẻ nhất so với trên thế giới và trong khu vực. Theo Điều tra Toàn cầu về tình hình sử dụng thuốc lá ở người trưởng thành (GATS 2015), giá trung bình của một bao thuốc lá (20 điếu) ở Việt Nam là 11.819 đồng/bao. Mức giá này rất rẻ so với các nước trong khu vực như của Singapore (192,000 đồng/bao); của Philipine (32,000 đồng/bao), Malaysia (74,000 đồng/bao). Hơn nữa, sau khi đã điều chỉnh lạm phát, mức giá thuốc lá của chúng ta có xu hướng giảm gần 1.000 đồng/bao năm so với năm 2010.

Thuế thuốc lá thấp, giá thuốc lá rẻ làm tạo điều kiện cho thanh thiếu niên và người nghèo dễ dàng mua thuốc lá, làm tăng gánh nặng bệnh tật và tử vong do các bệnh liên quan đến sử dụng thuốc lá tại Việt nam.

37. Ý nghĩa của việc tăng thuế thuốc lá đối với việc giảm nhu cầu sử dụng, giảm mắc bệnh và tử vong do các bệnh liên quan đến sử dụng thuốc lá

Tăng thuế thuốc lá có hai lợi ích cơ bản: 1) làm giảm sử dụng thuốc lá, ngăn ngừa thanh thiếu niên hút thuốc qua đó giảm bệnh tật và tử vong và giảm chi phí khám chữa bệnh do thuốc lá; 2) tăng thu thuế của chính phủ. Chính vì vậy tăng thuế được gọi là biện pháp có lợi đôi đường: ích lợi đối với sức khỏe người dân và lợi cho ngân sách của Chính phủ.

Theo ước tính của WHO, trung bình khi giá thuốc lá tăng 10% sẽ làm giảm sử dụng thuốc lá khoảng 4% tại các nước có thu nhập cao và 5% tại các nước có thu nhập trung bình và thấp. Ước tính khi giá thuốc lá tăng khoảng 10% thì sẽ giảm sử dụng thuốc lá khoảng 10% ở nhóm trẻ tuổi

Theo ước tính của Ngân hàng Thế giới, trên phạm vi toàn cầu khi thuế tăng 10% sẽ giúp tăng thu thuế thuốc lá của chính phủ thêm 7%.

Tại Việt Nam, theo tính toán của các chuyên gia nếu thu thuế Tiêu thụ đặc biệt 5.000 đồng/ một bao vào năm 2020. thì nguồn thu của Chính phủ sẽ tăng khoảng 10.800 tỷ vào năm 2020

38. Tăng thuế thuốc lá có phải là nguyên nhân làm tăng buôn lậu thuốc lá không?

TẠI VIỆT NAM, VIỆC TĂNG GIÁ THUỐC LÁ KHÔNG PHẢI LÀ LÝ DO CHỦ YẾU LÀM TĂNG BUÔN LẬU VÌ CÁC LÝ DO:

1. Giá của phần lớn thuốc lá nhập lậu cao hơn giá thuốc lá hợp pháp được sản xuất trong nước:

- Sản phẩm thuốc lá buôn lậu chủ yếu vào Việt nam là Hero và JET. 2 loại sản phẩm này chiếm 90% tổng thị trường thuốc lá lậu. Mức giá trung bình của Hero và JET cao hơn mức giá trung bình của các nhãn hiệu thuốc lá hợp pháp khoảng từ 30%

đến 60%.²

▪ Giá một số loại thuốc lá khác³:

- Giá thuốc lá hợp pháp 555 là 25.000 đồng/bao; Giá thuốc lá 555 buôn lậu là 28.000 đồng/bao.
- Giá thuốc lá hợp pháp Esse là 12.500/bao; Giá thuốc lá Esse buôn lậu là 14.000/bao.
- Giá thuốc lá hợp pháp Marlboro là 22.000/bao; Giá thuốc lá buôn lậu Marlboro: 25.000 đồng/bao.

2. Hương vị (hay còn gọi là “gu hút”), tác động nhiều hơn đến việc lựa chọn sử dụng thuốc lá lậu tại Việt Nam chứ không phải giá cả.

Kết quả điều tra tiêu dùng thuốc lá tại 12 tỉnh ở Việt Nam năm 2012⁴ cho thấy:

- Trên 70% người sử dụng thuốc lá lậu là do hương vị, tò mò, bạn bè mời.
- Chỉ có 15% người sử dụng thuốc lá lậu là do giá thấp.

thực tế tại Việt Nam cũng như các nước cho thấy việc buôn lậu thuốc lá còn do rất nhiều nguyên nhân như:

- Hiệu quả của hoạt động kiểm soát buôn lậu, khả năng kiểm soát tại các biên giới.
- Khả năng kiểm soát sản phẩm thuốc lá buôn lậu tại mạng lưới bán lẻ thuốc lá của các nước.
- Mức độ minh bạch hay tham nhũng trong công tác chống buôn lậu của các nước.

39. Thuốc lá nhập khẩu để tiêu thụ tại Việt Nam có phải in cảnh báo sức khỏe như các sản phẩm thuốc lá sản xuất trong nước không?

Điều 15 Luật PCTH thuốc lá quy định: Thuốc lá được sản xuất, nhập khẩu để tiêu thụ tại Việt Nam phải ghi nhãn, in cảnh báo sức khỏe trên bao bì thuốc lá.

Thông tư Liên tịch số 05 /2013/TTLT-BYT-BCT ngày 08 tháng 02 năm 2013 của Bộ Y tế và Bộ Công Thương Hướng dẫn việc ghi nhãn, in cảnh báo sức khỏe trên bao bì thuốc lá quy định: Thuốc lá được sản xuất, nhập khẩu để tiêu thụ tại Việt Nam phải in cảnh báo sức khỏe trên bao bì theo mẫu quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này. Diện tích in cảnh báo sức khỏe phải chiếm ít nhất 50% diện tích của mỗi mặt chính trước và mặt chính sau trên bao bì thuốc lá

Như vậy, thuốc lá nhập khẩu vào Việt Nam cũng phải thực hiện các quy định trên. Bán thuốc lá không in cảnh báo sức khỏe là hành vi vi phạm pháp luật

40. Tại mỗi điểm bán lẻ thuốc lá được trưng bày mấy bao, tút/hộp của một nhãn hiệu thuốc lá?

Điều 25 Luật PCTH thuốc lá quy định: đại lý bán lẻ, điểm bán lẻ thuốc lá không được trưng bày quá một bao, một tút hoặc một hộp của một nhãn hiệu thuốc lá.

² Khảo sát toàn cầu về sử dụng thuốc lá ở người trưởng thành (GATS) năm 2010

³ Điều tra giá thuốc lá - Vụ Chính sách Thuế, Bộ Tài chính, 2013.

⁴ Nghiên cứu do Liên minh PCTH thuốc lá Đông Nam Á –SEATCA phối hợp với Đại học Duce và Đại học Thương Mại thực hiện 2013.

(Minh họa hình ảnh vi phạm quy định về trưng bày thuốc lá tại các đại lý bán lẻ, điểm bán lẻ)

41. Bán thuốc lá cho người dưới 18 tuổi, sử dụng người chưa đủ 18 tuổi mua, bán thuốc lá có phải là hành vi vi phạm pháp luật không?

Điều 9 Luật PCTH thuốc lá quy định nghiêm cấm Người chưa đủ 18 tuổi sử dụng, mua, bán thuốc lá; Sử dụng người chưa đủ 18 tuổi mua, bán thuốc lá; Bán, cung cấp thuốc lá cho người chưa đủ 18 tuổi.

42. Bán thuốc lá gần cổng trường học, cơ sở y tế có vi phạm pháp luật không?

Điều 25 Luật PCTH thuốc lá quy định: Cơ quan, tổ chức, cá nhân không được tổ chức, cho phép hoặc bán thuốc lá tại các địa điểm cấm hút thuốc; không được bán thuốc lá phía ngoài cổng nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường tiểu học, trung học cơ sở, phổ thông trung học, viện nghiên cứu y học, bệnh viện, nhà hộ sinh, trung tâm y tế dự phòng, trạm y tế xã, phường, thị trấn trong phạm vi 100 mét (m) tính từ ranh giới khuôn viên gần nhất của cơ sở đó

IV. CÁC QUY ĐỊNH VỀ XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH ĐỐI VỚI CÁC HÀNH VI VI PHẠM LUẬT PHÒNG CHỐNG TÁC HẠI CỦA THUỐC LÁ

43. Hành vi hút thuốc lá tại các địa điểm có quy định cấm sẽ bị xử phạt như thế nào?

Nghị định số 176/2013/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế quy định: Cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng đối với một trong các hành vi:

- Hút thuốc lá tại địa điểm có quy định cấm
- Bỏ mẫu, tàn thuốc lá không đúng nơi quy định khi hút thuốc lá tại những địa điểm được phép hút thuốc lá.

(Trường hợp hút thuốc lá trên tàu bay thực hiện theo quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng)

44. Người đứng đầu, người quản lý các địa điểm cấm hút thuốc không thực hiện treo biển cấm hút thuốc lá tại các địa điểm do mình quản lý thì bị xử phạt vi phạm hành chính với mức tiền phạt là bao nhiêu?

Nghị định số 176/2013/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế quy định: Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi Không treo biển có chữ hoặc biểu tượng “cấm hút thuốc lá” tại địa điểm cấm hút thuốc lá

45. Người đứng đầu, người quản lý các địa điểm cấm hút thuốc nếu không yêu cầu người vi phạm chấm dứt việc hút thuốc lá trong cơ sở của mình thì bị xử phạt vi phạm hành chính với mức tiền phạt là bao nhiêu?

Nghị định số 176/2013/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế quy định: Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi Không yêu cầu người vi phạm chấm dứt việc hút thuốc lá trong cơ sở của mình

46. Người đứng đầu, người quản lý các địa điểm cấm hút thuốc thuốc không tổ chức thực hiện, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện đúng quy định về cấm hút thuốc lá tại địa điểm thuộc quyền quản lý, điều hành thì bị xử phạt vi phạm hành chính với mức tiền phạt là bao nhiêu?

Nghị định số 176/2013/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế quy định Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi Không tổ chức thực hiện, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc thực hiện đúng quy định về cấm hút thuốc lá tại địa điểm thuộc quyền quản lý, điều hành.

47. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, địa phương nếu không đưa nội dung phòng, chống tác hại của thuốc lá vào kế hoạch hoạt động hằng năm, không quy định cấm hút thuốc lá tại nơi làm việc thì bị xử phạt vi phạm hành chính với mức tiền phạt là bao nhiêu?

Nghị định số 176/2013/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế quy định : Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi Không đưa nội dung phòng, chống tác hại của thuốc lá vào kế hoạch hoạt động hằng năm, không quy định cấm hút thuốc lá tại nơi làm việc vào quy chế nội bộ.

48. Điểm bán lẻ thuốc lá nếu trưng bày quá 1 bao, 1 tút hoặc một hộp của 1 nhãn hiệu thuốc lá thì bị xử phạt vi phạm hành chính với mức tiền phạt là bao nhiêu?

Nghị định số 176/2013/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế quy định Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi Trưng bày quá một bao hoặc một tút hoặc một hộp của một nhãn hiệu thuốc lá;

49. Hành vi bán các sản phẩm thuốc lá không in cảnh báo sức khỏe trên bao bì sản phẩm bị xử phạt vi phạm hành chính với mức tiền phạt là bao nhiêu?

Nghị định số 176/2013/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế quy định Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi Bán thuốc lá không ghi nhãn, không in cảnh báo sức khỏe trên bao bì thuốc lá theo quy định của pháp luật.

50. Hành vi ép buộc người khác sử dụng thuốc lá bị xử phạt vi phạm hành chính với mức tiền phạt là bao nhiêu?

Nghị định số 176/2013/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế quy định Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi Ép buộc người khác sử dụng thuốc lá;

51. Hành vi sử dụng hình ảnh thuốc lá trên báo chí, xuất bản phẩm dành riêng cho trẻ em bị xử phạt vi phạm hành chính với mức tiền phạt là bao nhiêu?

Nghị định số 176/2013/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế quy định Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi Sử dụng hình ảnh thuốc lá trên báo chí, xuất bản phẩm dành riêng cho trẻ em;

52. Những người nào có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính hành vi vi phạm quy định của Luật PCTH thuốc lá?

Nghị định số 176/2013/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế quy định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính bao gồm:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp
2. Thanh tra y tế
3. Quản lý thị trường
4. Công an nhân dân
5. Bộ đội biên phòng
6. Cảnh sát biển
7. Hải quan
8. Cơ quan Thuế
9. Thanh tra Tài chính
10. Thẩm quyền xử phạt của các cơ quan khác: Bộ đội biên phòng, Cảnh sát biển, Hải quan, cơ quan Thuế, Cục trưởng Cục Hóa chất, Thanh tra các ngành: Khoa học và Công nghệ, Lao động - Thương binh và Xã hội, Thông tin và Truyền thông, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải, Tài chính và các cơ quan khác có thẩm quyền xử phạt theo quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính đối với những hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế có liên quan trực tiếp đến lĩnh vực mình quản lý được quy định tại Nghị định này.

53. Những người nào có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính hành vi vi phạm quy định của Luật PCTH thuốc lá?

Điều 94 Nghị định số 176/2013/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế quy định Người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế bao gồm:

-Người có thẩm quyền xử phạt.

-Công chức, viên chức thuộc ngành y tế, bảo hiểm xã hội đang thi hành công vụ, nhiệm vụ được giao khi phát hiện hành vi vi phạm hành chính có trách nhiệm lập biên bản và kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

54. Yêu cầu về việc lập biên bản vi phạm hành chính như thế nào?

Theo Điều 58 Luật xử lý vi phạm hành chính khi phát hiện vi phạm hành chính thuộc lĩnh vực quản lý của mình, người có thẩm quyền đang thi hành công vụ phải kịp thời lập biên bản, (trừ trường hợp xử phạt không lập biên bản). Biên bản vi phạm hành

chính phải ghi rõ ngày, tháng, năm, địa điểm lập biên bản; họ, tên, chức vụ người lập biên bản; họ, tên, địa chỉ, nghề nghiệp của người vi phạm hoặc tên, địa chỉ của tổ chức vi phạm; giờ, ngày, tháng, năm, địa điểm xảy ra vi phạm; hành vi vi phạm; biện pháp ngăn chặn vi phạm hành chính và bảo đảm việc xử lý; tình trạng tang vật, phương tiện bị tạm giữ; lời khai của người vi phạm hoặc đại diện tổ chức vi phạm; nếu có người chứng kiến, người bị thiệt hại hoặc đại diện tổ chức bị thiệt hại thì phải ghi rõ họ, tên, địa chỉ, lời khai của họ; quyền và thời hạn giải trình về vi phạm hành chính của người vi phạm hoặc đại diện của tổ chức vi phạm; cơ quan tiếp nhận giải trình

Trường hợp người vi phạm, đại diện tổ chức vi phạm không có mặt tại nơi vi phạm hoặc cố tình trốn tránh hoặc vì lý do khách quan mà không ký vào biên bản thì biên bản phải có chữ ký của đại diện chính quyền cơ sở nơi xảy ra vi phạm hoặc của hai người chứng kiến. Biên bản vi phạm hành chính phải được lập thành ít nhất 02 bản

55. Khi nào thì việc xử phạt vi phạm hành chính được thực hiện mà không lập biên bản vi phạm hành chính?

Các trường hợp xử phạt vi phạm hành chính không lập biên bản (Điều 56 và Luật Xử lý vi phạm hành chính): được áp dụng trong trường hợp xử phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền đến 250.000 đồng đối với cá nhân, 500.000 đồng đối với tổ chức.

Trong trường hợp này, người có thẩm quyền xử phạt phải ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính tại chỗ. Trường hợp phạt tiền thì trong quyết định phải ghi rõ mức tiền phạt. (Lưu ý: riêng trường hợp vi phạm hành chính được phát hiện nhờ sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật, nghiệp vụ thì phải lập biên bản).

56. Khi nào thì việc xử phạt vi phạm hành chính được thực hiện mà cần lập biên bản vi phạm hành chính?

Các trường hợp Xử phạt vi phạm hành chính có lập biên bản (Điều 57 Luật Xử lý vi phạm hành chính) áp dụng đối với hành vi vi phạm hành chính của cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính không thuộc các trường hợp xử phạt vi phạm hành chính không lập biên bản .

Việc xử phạt vi phạm hành chính có lập biên bản phải được người có thẩm quyền xử phạt lập thành hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính. Hồ sơ bao gồm biên bản vi phạm hành chính, quyết định xử phạt hành chính, các tài liệu, giấy tờ có liên quan và phải được đánh bút lục. Hồ sơ phải được lưu trữ theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

57. Thủ tục xử phạt vi phạm hành chính

1. Phát hiện vi phạm và lập biên bản xử phạt vi phạm hành chính
2. Xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính (Điều 59 Luật xử lý vi phạm hành chính).
3. Ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính
4. Thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính:

58. Thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định của Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá?

Theo quy định tại Điều 94 Nghị định số 176/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế, người có thẩm quyền lập biên bản bao gồm:

- Người có thẩm quyền xử phạt; Công chức, viên chức thuộc ngành y tế đang thi hành nhiệm vụ, công vụ được giao khi phát hiện hành vi vi phạm hành chính có trách nhiệm lập biên bản và kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

Như vậy, khi phát hiện hành vi hút thuốc lá tại các cơ sở y tế, công chức, viên chức thuộc cơ sở đó mà đang thực hiện nhiệm vụ, công vụ có quyền lập biên bản, báo cáo Lãnh đạo và gửi biên bản cho các cơ quan có thẩm quyền để ra quyết định xử phạt.

Bên cạnh đó, các công chức, viên chức ngành y tế có tên trong danh sách đoàn giám sát do Ủy ban nhân dân hoặc Sở Y tế thành lập, thực hiện kế hoạch giám sát hoạt động PCTH thuốc lá tại các cơ sở y tế cũng có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm tại cơ sở được giám sát. Mẫu biên bản vi phạm hành chính được quy định trong Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính.

59. Giám đốc bệnh viện/người đứng đầu các cơ sở y tế có thẩm quyền vi phạm hành chính đối với hành vi hút thuốc lá trong cơ sở y tế hay không?

Giám đốc bệnh viện, người đứng đầu các cơ sở y tế không có thẩm quyền vi phạm hành chính đối với hành vi hút thuốc lá trong cơ sở y tế. Tuy nhiên, Giám đốc các bệnh viện thuộc loại hình công lập khi đang thi hành nhiệm vụ, công vụ được giao, có quyền lập biên bản vi phạm hành chính hành vi hút thuốc trong cơ sở y tế thuộc quyền quản lý của mình.

Trong trường hợp có vi phạm xảy ra trong cơ sở y tế, Lãnh đạo cơ sở y tế còn có các quyền: Buộc người vi phạm chấm dứt việc hút thuốc lá tại địa điểm cấm hút thuốc lá; Yêu cầu người vi phạm quy định cấm hút thuốc lá ra khỏi cơ sở của mình; Từ chối tiếp nhận hoặc cung cấp dịch vụ cho người vi phạm quy định cấm hút thuốc lá nếu người đó tiếp tục vi phạm sau khi đã được nhắc nhở.

60. Nếu phát hiện hành vi vi phạm quy định cấm hút thuốc tại các địa điểm trong nhà của nhà ga, bến xe thì có thể báo với những người nào để xử lý? Những người nào có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính?

Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm quy định cấm hút thuốc tại khu vực trong nhà của nhà ga, bến xe, bạn có thể báo với người đứng đầu, người quản lý địa điểm có quy định cấm hút thuốc. Theo quy định của Luật PCTH thuốc lá, người đứng đầu, người quản lý địa điểm cấm hút thuốc có quyền Buộc người vi phạm chấm dứt việc hút thuốc lá tại địa điểm cấm hút thuốc lá; xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật; Yêu cầu người vi phạm quy định cấm hút thuốc lá ra khỏi cơ sở của mình; Từ chối tiếp nhận hoặc cung cấp dịch vụ cho người vi phạm quy định cấm hút thuốc lá nếu người đó tiếp tục vi phạm sau khi đã được nhắc nhở.

Những người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính tại nhà ga, bến xe bao gồm người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính được quy định tại Nghị định số 176/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định xử phạt trong lĩnh vực y tế; người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành theo sự phân công của Chánh Thanh tra bộ, Chánh Thanh tra sở, Thủ trưởng cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành

61. Cán bộ, Công chức, viên chức hút thuốc lá tại địa điểm có quy định cấm thì bị xử lý vi phạm hành chính hay bị xử lý theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức?

Điều 1 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính quy định:

Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức thực hiện hành vi vi phạm khi đang thi hành công vụ, nhiệm vụ và hành vi vi phạm đó thuộc công vụ, nhiệm vụ được giao, thì không bị xử phạt theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, mà bị xử lý theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức.

Cơ quan nhà nước thực hiện hành vi vi phạm thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước được giao, thì không bị xử phạt theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, mà bị xử lý theo quy định của pháp luật có liên quan.

Như vậy hành vi vi phạm của cán bộ công chức nếu không liên quan đến nhiệm vụ công vụ được giao thì vẫn bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

62 Thanh tra chuyên ngành Giao thông có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính hành vi hút thuốc lá tại các địa điểm cấm hút thuốc của nhà ga, bến xe hay không?

Luật Thanh tra quy định Thanh tra viên, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành tiến hành thanh tra độc lập theo sự phân công của Chánh Thanh tra bộ, Chánh Thanh tra sở, Thủ trưởng cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành. Trong trường hợp phân công Thanh tra viên, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra

chuyên ngành tiến hành thanh tra độc lập thì Chánh Thanh tra bộ, Chánh Thanh tra sở, Thủ trưởng cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành phải xác định rõ phạm vi, nhiệm vụ, thời hạn tiến hành thanh tra. Như vậy nếu thanh tra viên chuyên ngành giao thông được Chánh Thanh tra bộ, Chánh Thanh tra sở, Thủ trưởng cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra tại các địa điểm thuộc quyền quản lý của Bộ/của Sở/của cơ quan quản lý ngành thì có quyền xử phạt vi phạm hành chính trong thời gian thực hiện nhiệm vụ được giao.

63. Các hình thức, thủ tục thu, nộp tiền phạt hành vi vi phạm hành chính được quy định trong văn bản pháp luật nào? Quy định như thế nào? các quy định đã rõ ràng hay chưa?

Các hình thức, thủ tục thu, nộp tiền phạt hành vi vi phạm hành chính được quy định rõ ràng trong Luật Xử Lý Vi Phạm Hành Chính Năm 2012; Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính. Cụ thể:

Điều 78 Luật xử lý vi phạm hành chính quy định Thủ tục nộp tiền phạt

Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định xử phạt, cá nhân, tổ chức bị xử phạt phải nộp tiền phạt tại Kho bạc Nhà nước hoặc nộp vào tài khoản của Kho bạc Nhà nước được ghi trong quyết định xử phạt, trừ trường hợp nộp phạt nhiều lần hoặc trường hợp tại vùng sâu, vùng xa, biên giới, miền núi mà việc đi lại gặp khó khăn thì cá nhân, tổ chức bị xử phạt có thể nộp tiền phạt cho người có thẩm quyền xử phạt. Người có thẩm quyền xử phạt có trách nhiệm thu tiền phạt tại chỗ và nộp tại Kho bạc Nhà nước hoặc nộp vào tài khoản của Kho bạc Nhà nước trong thời hạn không quá 07 ngày, kể từ ngày thu tiền phạt.

Nếu quá thời hạn nêu trên, thì sẽ bị cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt và cứ mỗi ngày chậm nộp phạt thì cá nhân, tổ chức vi phạm phải nộp thêm 0,05% trên tổng số tiền phạt chưa nộp.

Trường hợp xử phạt trên biển hoặc ngoài giờ hành chính, người có thẩm quyền xử phạt được thu tiền phạt trực tiếp và phải nộp tại Kho bạc Nhà nước hoặc nộp vào tài khoản của Kho bạc Nhà nước trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày vào đến bờ hoặc ngày thu tiền phạt.

*** Điều 11 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP quy định Thủ tục nộp tiền phạt.**

Chúng từ thu, nộp tiền phạt và tiền chậm nộp phạt vi phạm hành chính được in, phát hành, quản lý và sử dụng thống nhất trong phạm vi toàn quốc theo quy định của pháp luật

để xác nhận số tiền mà cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính đã nộp cho cơ quan có thẩm quyền thu phạt. Chứng từ thu, nộp tiền phạt và tiền chậm nộp phạt bao gồm:

- Biên lai thu tiền phạt phải in sẵn mệnh giá được sử dụng để thu tiền phạt vi phạm hành chính tại chỗ theo quy định tại Khoản 2 Điều 69 và Khoản 2 Điều 78 Luật xử lý vi phạm hành chính trong trường hợp phạt tiền đến 250.000 đồng đối với cá nhân, 500.000 đồng đối với tổ chức;
- Biên lai thu tiền phạt không in sẵn mệnh giá được sử dụng để thu tiền phạt đối với các trường hợp xử phạt vi phạm hành chính còn lại và thu tiền chậm nộp phạt;
- Giấy xác nhận nộp tiền phạt vào tài khoản của Kho bạc nhà nước (nếu có);
- Các chứng từ khác theo quy định của pháp luật.

Bộ Tài chính có trách nhiệm tổ chức cấp biên lai thu tiền phạt cho cơ quan, đơn vị của người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và các cơ quan, tổ chức thu tiền phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật;

64. Mẫu biên bản vi phạm hành chính, quyết định xử phạt vi phạm hành chính quy định ở văn bản pháp luật nào?

Mẫu biên bản vi phạm hành chính, quyết định xử phạt vi phạm hành chính quy định trong Nghị định số 81/2013/NĐ-CP hướng dẫn chi tiết thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính

MẪU QUYẾT ĐỊNH XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH THEO THỦ TỤC XỬ PHẠT KHÔNG LẬP BIÊN BẢN

TÊN CƠ QUAN CHỦ
QUẢN
TÊN CƠ QUAN RA QUYẾT
ĐỊNH¹

Số:../QĐ-XPVPHC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ
NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...², ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH

Xử phạt vi phạm hành chính theo thủ tục xử phạt không lập biên bản

Căn cứ Điều 56 Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ³ ;

Căn cứ Văn bản giao quyền số .../... ngày ... tháng ... năm ... (nếu có),

Tôi:..... Chức vụ:..... Đơn vị:.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xử phạt vi phạm hành chính theo thủ tục xử phạt không lập biên bản đối với:

Ông (Bà)/Tổ chức:

Ngày ... tháng ... năm sinh Quốc tịch:.....

Nghề nghiệp/lĩnh vực hoạt động:.....

Địa chỉ:.....

Giấy CMND hoặc hộ chiếu/Quyết định thành lập hoặc ĐKKD số:.....

Cấp ngày: Nơi cấp:

Đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính^{4a} quy định tại^{4b}

Địa điểm xảy ra vi phạm:.....

Các tình tiết liên quan đến giải quyết vi phạm (nếu có):

Điều 2. Các hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả được áp dụng:

1. Hình thức xử phạt chính:^{5a}

Mức phạt^{5b}:

2. Hình thức xử phạt bổ sung:.....

.....

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

.....

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Quyết định này được:

1. Giao cho ông (bà)/tổ chức để chấp hành Quyết định xử phạt.

Trong trường hợp bị xử phạt tiền, ông (bà)/tổ chức nộp tiền phạt tại chỗ cho người có thẩm quyền xử phạt; trường hợp không nộp tiền phạt tại chỗ thì nộp tại Kho bạc nhà nước/Ngân hàng thương mại hoặc nộp vào tài khoản của Kho bạc nhà nước/Ngân hàng thương mại⁶: trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày được giao Quyết định này.

Thời hạn thi hành hình thức xử phạt bổ sung là ngày; thời hạn thi hành các biện pháp khắc phục hậu quả là ngày, kể từ ngày được giao Quyết định này.

Nếu quá thời hạn trên mà không chấp hành sẽ bị cưỡng chế thi hành.

Ông (bà)/tổ chức bị tạm giữ⁷ để bảo đảm thi hành quyết định xử phạt.

Ông (Bà)/Tổ chức có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện hành chính đối với Quyết định này theo quy định của pháp luật.

2. Gửi cho⁸ để thu tiền phạt

3.⁹ để tổ chức thực hiện Quyết định này.

4. Gửi cho¹⁰ để biết./.

NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH

(Ký tên, ghi rõ chức vụ, họ tên)

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: Hồ sơ.

¹ Ghi tên theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính (lưu ý: riêng đối với văn bản của UBND cấp xã thì phải ghi rõ cấp tỉnh, cấp huyện; UBND cấp huyện thì phải ghi rõ cấp tỉnh).

² Ghi địa danh theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính.

³ Ghi tên của nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực cụ thể.

^{4a} Ghi tóm tắt hành vi vi phạm;

^{4b} Ghi điểm, khoản, điều của nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực cụ thể.

^{5a} Ghi rõ một trong các hình thức xử phạt theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Xử lý vi phạm hành chính (cảnh cáo hoặc phạt tiền);

^{5b} Trong trường hợp xử phạt tiền, thì trong Quyết định phải ghi rõ mức tiền phạt bằng số và bằng chữ.

⁶ Ghi rõ tên, địa chỉ Kho bạc nhà nước (hoặc Ngân hàng thương mại do Kho bạc nhà nước ủy nhiệm thu) hoặc số tài khoản của Kho bạc nhà nước mà cá nhân/tổ chức vi phạm phải nộp tiền phạt.

⁷ Ghi trong trường hợp quyết định xử phạt chỉ bao gồm hình thức phạt tiền mà cá nhân/tổ chức vi phạm không có tiền nộp phạt tại chỗ (các loại giấy tờ tạm giữ cho đến khi cá nhân/tổ chức chấp hành xong Quyết định xử phạt này là một trong các giấy tờ quy định tại khoản 6 Điều 125 Luật Xử lý vi phạm hành chính).

⁸ Ghi tên, địa chỉ Kho bạc nhà nước hoặc Ngân hàng thương mại do Kho bạc nhà nước ủy nhiệm thu.

⁹ Ghi họ tên, chức vụ, đơn vị người thi hành Quyết định; cơ quan, tổ chức có liên quan.

¹⁰ Cha mẹ hoặc người giám hộ (ghi rõ họ tên, địa chỉ...) của người chưa thành niên trong trường hợp người chưa thành niên bị xử phạt cảnh cáo quy định tại Khoản 1 Điều 69 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

MẪU QUYẾT ĐỊNH XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH

CÓ LẬP BIÊN BẢN

TÊN CƠ QUAN CHỦ
QUẢN
TÊN CƠ QUAN RA QUYẾT
ĐỊNH¹

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../QĐ-XPVPHC

...², ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH

Xử phạt vi phạm hành chính³

Căn cứ Điều 57, Điều 68 Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ⁴ ;

Căn cứ Biên bản vi phạm hành chính số .../BB-..... do lập hồi ... giờ ...
ngày ... tháng ... năm tại..... ;

Căn cứ kết quả xác minh và các tài liệu có trong hồ sơ;

Căn cứ Biên bản phiên giải trình số/.... ngày ... tháng ... năm ... tại..... ;

Căn cứ Văn bản giao quyền số/.....ngày ... tháng ... năm ... (nếu có),

Tôi: Chức vụ: Đơn vị:

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xử phạt vi phạm hành chính đối với:

Ông (Bà)/Tổ chức:

Ngày, tháng, năm sinh: Quốc tịch:

Nghề nghiệp/lĩnh vực hoạt động:

Địa chỉ:

Giấy CMND hoặc hộ chiếu/Quyết định thành lập hoặc ĐKKD số:

Cấp ngày: Nơi cấp:

1. Đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính^{5a} quy định tại^{5b}

- Các tình tiết tăng nặng/ giảm nhẹ (nếu có):

.....
.....

*Bị áp dụng hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả như sau:

- Hình thức xử phạt chính^{6a}: Cụ thể^{6b}:

.....
- Hình thức phạt bổ sung (nếu có)⁷:

- Các biện pháp khắc phục hậu quả (nếu có):

Thời hạn thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả⁸, kể từ ngày nhận được Quyết định này.

Cá nhân/tổ chức vi phạm phải hoàn trả kinh phí cho việc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả (nếu có) là:, vì chi phí khắc phục hậu quả đã được cơ quan có thẩm quyền chi trả theo quy định tại khoản 5 Điều 85 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

2. Đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính^{9a} quy định tại^{9b} ;

- Các tình tiết tăng nặng/giảm nhẹ (nếu có)

.....

* Bị áp dụng hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả như sau:

- Hình thức xử phạt chính^{10a}:

Cụ thể^{10b}:

- Hình thức phạt bổ sung (nếu có)¹¹:

- Các biện pháp khắc phục hậu quả (nếu có):

Thời hạn thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả là:¹², kể từ ngày nhận được Quyết định này.

Cá nhân/tổ chức vi phạm phải hoàn trả kinh phí cho việc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả (nếu có) là:, vì chi phí khắc phục hậu quả đã được cơ quan có thẩm quyền chi trả theo quy định tại Khoản 5 Điều 85 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm

Điều 3. Quyết định này được:

1. Giao/Gửi cho ông (bà)/tổ chức để chấp hành Quyết định xử phạt.

Ông (bà)/Tổ chức phải nghiêm chỉnh chấp hành quyết định xử phạt này. Nếu không chấp hành sẽ bị cưỡng chế thi hành.

Trường hợp không nộp tiền phạt trực tiếp cho người có thẩm quyền xử phạt theo quy định tại Khoản 2 Điều 78 Luật Xử lý vi phạm hành chính, ông (bà)/tổ chức phải nộp tiền phạt tại Kho bạc nhà nước/ Ngân hàng thương mại^{13a} hoặc nộp tiền vào tài khoản của Kho bạc nhà nước/ Ngân hàng thương mại^{13b}: trong thời hạn kể từ ngày nhận được Quyết định xử phạt.

Ông (Bà)/Tổ chức bị xử phạt có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện hành chính đối với Quyết định này theo quy định của pháp luật.

2. Gửi cho¹⁴ để thu tiền phạt.

3. ¹⁵ để tổ chức thực hiện Quyết định này./.

NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH

(Ký tên, đóng dấu)

(Ghi rõ chức vụ, họ tên)

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: Hồ sơ.

¹ Ghi tên theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính (lưu ý: riêng đối với văn bản của UBND cấp xã thì phải ghi rõ cấp tỉnh, cấp huyện; UBND cấp huyện thì phải ghi rõ cấp tỉnh để cung cấp thông tin cho việc xây dựng cơ sở dữ liệu).

² Ghi địa danh theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính.

³ Mẫu này được sử dụng trong trường hợp xử phạt một hoặc nhiều cá nhân/tổ chức thực hiện một hoặc nhiều hành vi vi phạm hành chính.

⁴ Ghi tên của nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực cụ thể.

^{5a} Ghi tóm tắt hành vi vi phạm;

^{5b} Ghi điểm, khoản, điều của nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực cụ thể.

^{6a} Ghi rõ hình thức xử phạt chính được áp dụng (Cảnh cáo/Phạt tiền/Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn/Tịch thu tang vật, phương tiện, vi phạm hành chính/Trục xuất).

^{6b} Ghi chi tiết theo hình thức xử phạt chính đã áp dụng (Trường hợp phạt tiền thì ghi rõ mức tiền phạt bằng số và bằng chữ; trường hợp tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn, thì ghi rõ thời hạn, thời điểm tước hoặc đình chỉ; trường hợp tịch thu tang vật, phương tiện thì ghi rõ số lượng, giá trị tang vật, phương tiện vi phạm bị tịch thu, nếu có biên bản kèm theo thì phải ghi rõ).

⁷ Ghi chi tiết hình thức xử phạt bổ sung (Trường hợp phạt tiền thì ghi rõ mức tiền phạt bằng số và bằng chữ; trường hợp tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn, thì ghi rõ thời hạn, thời điểm tước hoặc đình chỉ; trường hợp tịch thu tang vật, phương tiện thì ghi rõ số lượng, giá trị tang vật, phương tiện vi phạm bị tịch thu hoặc số tiền tương đương trị giá tang vật, phương tiện vi phạm bị tịch thu (ghi cả bằng số và bằng chữ) do bị chiếm đoạt, sử dụng trái phép để vi phạm hành chính (và nếu có biên bản kèm theo thì phải ghi rõ).

⁸ Ghi rõ thời hạn thi hành của từng biện pháp khắc phục hậu quả.

^{9a} Ghi tóm tắt hành vi vi phạm;

^{9b} Ghi điểm, khoản, điều của nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực cụ thể.

^{10a} Ghi rõ hình thức xử phạt chính được áp dụng (Cảnh cáo/Phạt tiền/Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn/Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính/Trục xuất).

^{10b} Ghi chi tiết theo hình thức xử phạt chính đã áp dụng (Ghi rõ mức tiền phạt bằng số và bằng chữ hoặc thời hạn tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề hoặc đình chỉ hoạt động hoặc số lượng, giá trị tang vật, phương tiện vi phạm bị tịch thu (nếu có biên bản kèm theo thì phải ghi rõ)

¹¹ Ghi chi tiết hình thức xử phạt bổ sung (tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề hoặc đình chỉ hoạt động, thì cần ghi rõ thời hạn, thời điểm tước hoặc đình chỉ; trường hợp tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, thì cần ghi rõ số lượng, giá trị tang vật, phương tiện vi phạm bị tịch thu hoặc số tiền tương đương trị giá tang vật, phương tiện vi phạm bị tịch thu (ghi cả bằng số và bằng chữ) do bị chiếm đoạt, sử dụng trái phép để vi phạm hành chính (và nếu có biên bản kèm theo thì phải ghi rõ)

¹² Ghi rõ thời hạn thi hành của từng biện pháp khắc phục hậu quả.

^{13a} Ghi rõ tên, địa chỉ Kho bạc nhà nước (hoặc Ngân hàng thương mại do Kho bạc nhà nước ủy nhiệm thu) mà cá nhân/tổ chức bị xử phạt phải nộp tiền phạt.

^{13b} Ghi rõ tên, địa chỉ và số tài khoản của Kho bạc nhà nước (hoặc của Ngân hàng thương mại do Kho bạc nhà nước ủy nhiệm thu) mà cá nhân/tổ chức bị xử phạt phải nộp tiền phạt.

¹⁴ Kho bạc nhà nước hoặc Ngân hàng thương mại đã ghi ở ^(13a).

¹⁵ Ghi họ tên, chức vụ, đơn vị người thi hành Quyết định; cơ quan, tổ chức có liên quan.

MẪU BIÊN BẢN VI PHẠM HÀNH CHÍNH

TÊN CƠ QUAN
CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN LẬP
BIÊN BẢN¹

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:../BB-VPHC

...², ngày ... tháng ... năm ...

BIÊN BẢN VI PHẠM HÀNH CHÍNH

Về³

Căn cứ⁴

Hôm nay, hồi ... giờ ... ngày ... tháng ... năm, tại

Chúng tôi gồm:⁵

Với sự chứng kiến của:⁶

Tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính đối với:⁷

Ông (Bà)/Tổ chức:

Ngày ... tháng ... năm sinh Quốc tịch:

Nghề nghiệp/lĩnh vực hoạt động:

Địa chỉ:

Giấy CMND hoặc hộ chiếu/Quyết định thành lập hoặc ĐKKD số:

Cấp ngày: Nơi cấp:

Đã có các hành vi vi phạm hành chính:⁸

Quy định tại⁹

Cá nhân/tổ chức bị thiệt hại:¹⁰

Ý kiến trình bày của cá nhân/đại diện tổ chức vi phạm:

.....
.....

Ý kiến trình bày của người chứng kiến:

.....

Ý kiến trình bày của cá nhân/tổ chức bị thiệt hại:

.....

Chúng tôi đã yêu cầu ông (bà)/tổ chức vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm.

Các biện pháp ngăn chặn vi phạm hành chính và bảo đảm xử lý vi phạm được áp dụng
gồm:

.....
Tang vật, phương tiện, giấy tờ bị tạm giữ gồm:¹¹
.....

Ngoài những tang vật, phương tiện vi phạm hành chính và các giấy tờ nêu trên, chúng tôi không tạm giữ thêm thứ gì khác.

Biên bản lập xong hồi giờ ... ngày ... tháng ... năm ..., gồm ... tờ, được lập thành ... bản có nội dung, giá trị như nhau; đã đọc lại cho những người có tên trên cùng nghe, công nhận là đúng và cùng ký tên dưới đây; giao cho cá nhân vi phạm/đại diện tổ chức vi phạm 01 bản.¹²

Lý do không ký biên bản:

Cá nhân/Tổ chức vi phạm gửi văn bản yêu cầu được giải trình đến ông/bà ¹³
..... trước ngày ... tháng ... năm để thực hiện quyền giải trình.

**NGƯỜI HOẶC
ĐẠI DIỆN
TỔ CHỨC VI PHẠM**
(Ký, ghi rõ họ tên)

**NGƯỜI
CHỨNG KIẾN**
(Ký, ghi rõ họ tên)

**NGƯỜI LẬP
BIÊN BẢN**
(Ký, ghi rõ chức vụ, họ tên)

ĐẠI DIỆN CHÍNH QUYỀN
(Ký, ghi rõ chức vụ, họ tên)

NGƯỜI BỊ THIẾT HẠI
(Ký, ghi rõ họ tên)

¹ Ghi tên theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính (lưu ý: riêng đối với văn bản của UBND cấp xã thì phải ghi rõ cấp tỉnh, cấp huyện; UBND cấp huyện thì phải ghi rõ cấp tỉnh).

² Ghi địa danh theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính.

³ Ghi lĩnh vực vi phạm hành chính theo nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực cụ thể.

⁴ Ghi các căn cứ của việc lập biên bản (như: kết luận thanh tra, biên bản làm việc, kết quả ghi nhận của phương tiện, thiết bị kỹ thuật, nghiệp vụ được sử dụng để phát hiện vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 64 Luật Xử lý vi phạm hành chính...).

⁵ Ghi họ tên, cấp bậc, chức vụ, đơn vị của người lập biên bản.

⁶ Ghi họ tên, nghề nghiệp, địa chỉ của người chứng kiến. Nếu có đại diện chính quyền ghi rõ họ tên, chức vụ.

⁷ Ghi họ tên người vi phạm hoặc họ tên, chức vụ của đại diện tổ chức vi phạm.

⁸ Ghi tóm tắt hành vi vi phạm (ngày, giờ, tháng, năm, địa điểm, xảy ra vi phạm, mô tả hành vi vi phạm; đối với vi phạm trên các vùng biển cần ghi rõ tên tàu, công suất máy chính, tổng dung tích/trọng tải toàn phần, tọa độ, hành trình).

⁹ Ghi điểm, khoản, điều của nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính.

¹⁰ Nếu là tổ chức ghi họ tên, chức vụ người đại diện cho tổ chức bị thiệt hại.

¹¹ Ghi rõ tên, số lượng, trọng lượng, đặc điểm, tình trạng, nhãn hiệu, xuất xứ, chủng loại tang vật, phương tiện (nếu nhiều thì lập bản thống kê riêng).

¹² Nếu cá nhân vi phạm là người chưa thành niên, gửi cho cha mẹ hoặc người giám hộ của người đó 01 bản.

¹³ Họ tên, chức vụ, đơn vị của người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính.

MỘT SỐ NỘI DUNG KHÁC

65. Quỹ PCTH thuốc lá được thành lập từ khi nào?

Quỹ phòng, chống tác hại của thuốc lá được thành lập theo Quyết định số 47/2013/QĐ-TTg ngày 29 tháng 7 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ

Quỹ phòng, chống tác hại của thuốc lá là quỹ quốc gia, trực thuộc Bộ Y tế và chịu sự quản lý nhà nước về tài chính của Bộ Tài chính. Quỹ là tổ chức tài chính nhà nước, có tư cách pháp nhân, hạch toán độc lập, có con dấu, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước hoặc Ngân hàng Thương mại Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Tên gọi của Quỹ

Tên tiếng Việt: Quỹ phòng, chống tác hại của thuốc lá;

Tên giao dịch quốc tế: Vietnam Tobacco Control Fund (viết tắt là: VNTCF).

Trụ sở chính của Quỹ đặt tại Hà Nội. Con dấu của Quỹ được khắc theo mẫu quy định thống nhất của Bộ Công an, trước khi sử dụng được đăng ký tại cơ quan công an có thẩm quyền.

Quỹ hoạt động không vì mục đích lợi nhuận, có chức năng huy động, cung cấp và điều phối nguồn lực tài chính của Quỹ cho các hoạt động phòng, chống tác hại của thuốc lá trên phạm vi toàn quốc. Quỹ có nhiệm vụ hỗ trợ các hoạt động phòng chống tác hại thuốc lá

- Truyền thông về tác hại của thuốc lá và phòng, chống tác hại của thuốc lá phù hợp với từng nhóm đối tượng.
- Xây dựng, triển khai các mô hình điểm về cộng đồng, cơ quan, tổ chức không có khói thuốc lá; phát triển và nhân rộng các mô hình có hiệu quả.
- Tổ chức các chiến dịch, sáng kiến về phòng, chống tác hại của thuốc lá dựa vào cộng đồng; tư vấn việc tổ chức nơi dành riêng cho người hút thuốc lá tại các địa điểm công cộng.
- Tổ chức cai nghiện thuốc lá.
- Xây dựng, triển khai các mô hình điểm về cai nghiện thuốc lá dựa vào cộng đồng và phát triển, nhân rộng các mô hình có hiệu quả.
- Nghiên cứu đưa ra những bằng chứng phục vụ cho công tác phòng, chống tác hại của thuốc lá.
- Xây dựng, hỗ trợ hoạt động, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho mạng lưới cộng tác viên làm công tác phòng, chống tác hại của thuốc lá.
- Xây dựng nội dung và tổ chức đưa giáo dục về tác hại và phòng, chống tác hại của thuốc lá vào chương trình giáo dục phù hợp với các cấp học.
- Thực hiện các giải pháp chuyển đổi ngành, nghề cho người trồng cây thuốc lá, chế biến nguyên liệu thuốc lá, sản xuất thuốc lá.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

66. Các nội dung ưu tiên trong hoạt động PCTH thuốc lá hiện nay là gì?

Căn cứ vào Chiến lược Quốc gia phòng, chống tác hại của thuốc lá đến năm 2020, hoạt động phòng chống tác hại của thuốc lá tập trung vào các nội dung:

- Xây dựng môi trường không khói thuốc lá, tập trung vào xây dựng môi trường không khói thuốc tại cơ sở y tế, nơi làm việc, trường học, trên phương tiện giao thông công cộng, và các nơi công cộng khác như cơ sở lưu trú du lịch, khu vực trong nhà của nhà hàng, quán bar, quán cà phê,
- tăng cường thanh tra, kiểm tra việc thực hiện quy định cấm hút thuốc
- Tăng cường hỗ trợ cho các địa phương để giảm tỷ lệ hút thuốc lá trong năm giới tại các khu vực nông thôn.
- Đề xuất Chính phủ và Quốc hội cần đánh giá tác động của việc tăng thuế thuốc lá hiện nay đến tiêu dùng các sản phẩm thuốc lá và cần có lộ trình tiếp tục tăng thuế đến mức có thể giúp giảm tỷ lệ hút thuốc, đồng thời cũng giúp tăng nguồn thu đáng kể cho ngân sách.
- Tăng cường thực thi quy định cấm quảng cáo khuyến mại và tài trợ

67. Định hướng công tác truyền thông phòng chống tác hại của thuốc lá đến năm 2020 tập trung vào những nội dung gì?

- Tiếp tục nâng cao nhận thức của cộng đồng về tác hại của hút thuốc và hút thuốc thụ động và các quy định của Luật PCTH của thuốc lá.
- Nâng cao ý thức tuân thủ quy định cấm hút thuốc tại các địa điểm cấm hút thuốc theo quy định của Luật PCTH thuốc lá.
- Người không hút thuốc nhận thức được quyền được sống và làm việc trong môi trường không khói thuốc đã được quy định trong Luật PCTH thuốc lá
- Cổ vũ, nâng cao ý thức của người không hút thuốc về việc dám lên tiếng nhắc nhở người hút thuốc không hút tại các địa điểm có quy định cấm.
- Giới thiệu những phong trào, chiến dịch, những tấm gương, mô hình tốt, những hoạt động hiệu quả để tạo hiệu ứng lan truyền theo chiều hướng tích cực nhằm cổ vũ cho hoạt động phòng chống tác hại của thuốc lá
- Phản ánh những tổ chức, cơ quan, đơn vị chưa tuân thủ quy định của Luật PCTH thuốc lá
- Đề cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức địa phương trong việc ủng hộ, chỉ đạo thực hiện nơi làm việc không khói thuốc.
- Truyền thông vận động để các nhà hoạch định chính sách thấy được sự cần thiết và ủng hộ việc tăng thuế thuốc lá.

68. Một số kết quả chính trong hoạt động của Quỹ Phòng chống tác hại của thuốc lá trong thời gian qua:

Sau gần 4 năm thực hiện Luật PCTH của thuốc lá, Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Y tế đã phối hợp với các bộ, ngành, các tỉnh, thành phố, các tổ chức chính trị xã hội triển khai hoạt động truyền thông qua nhiều kênh, nhiều hình thức đa dạng, phong phú: Truyền thông qua các kênh thông tin đại chúng như: Đài truyền hình Việt Nam, Đài tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam, các kênh truyền thông của địa phương; Báo điện tử, báo in, các trang

mạng xã hội; các hoạt động truyền thông trực tiếp: Tổ chức các buổi giao lưu tại cộng đồng, các cuộc thi vẽ tranh, thi tìm hiểu về tác hại của thuốc lá, truyền thông lưu động tại các xã phường, làng bản; nói chuyện chuyên đề, truyền thông trực tiếp tại các cơ sở y tế, trường học.

Theo Báo cáo năm 2016 về “Điều tra tình hình sử dụng thuốc lá ở người trưởng thành (GATS)” cho thấy việc thực thi Luật PCTH của thuốc lá bước đầu đã có hiệu quả, cụ thể:

- Giảm tỷ lệ sử dụng thuốc lá:

+ Tỷ lệ nam giới hút thuốc giảm 2,1% (từ 47,4% xuống 45,3%), tỷ lệ nữ giới hút thuốc giảm 0,3% (từ 1,4% xuống 1,1%).

+ Tỷ lệ hút thuốc chung ở khu vực thành thị giảm 2,7% (từ 23,3% xuống 20,6%). Trong đó, tỷ lệ này ở nam giới giảm 5% (từ 47,7% xuống 42,7%).

- Giảm tỷ lệ hút thuốc lá thụ động:

+ Tỷ lệ phơi nhiễm với khói thuốc thụ động (SHS) giảm đáng kể so với năm 2010 tại hầu hết các địa điểm: tại nơi làm việc giảm 13,3% (từ 55,9% xuống 42,6%), tại các trường đại học, cao đẳng giảm 16,4% (từ 54,3% xuống 37,9%), trên phương tiện giao thông công cộng giảm 15% (từ 34,4% xuống 19,4%) và tại trường học giảm 6,2% (từ 22,3% xuống 16,1%) và tại gia đình giảm 13,2% (từ 73,1% xuống 59,9%).

- Tăng tỷ lệ người hút thuốc được tư vấn về phương pháp bỏ thuốc:

+ Tỷ lệ người hút thuốc lá được nhân viên y tế tư vấn bỏ thuốc tăng 10,8% (từ 29,7% lên 40,5%).

- Tăng cường nhận thức của cộng đồng về tác hại của thuốc lá:

+ Tỷ lệ người tin rằng hút thuốc gây các bệnh đột quỵ, đau tim và ung thư phổi tăng 5,7% (từ 55,5% lên 61,2%).

+ Tỷ lệ người tin rằng phơi nhiễm với khói thuốc thụ động gây các bệnh nguy hiểm cho người không hút thuốc tăng 3,3% (từ 87,0% lên 90,3%).

69. Hiện nay có bao nhiêu nước đã in cảnh báo sức khỏe bằng hình ảnh trên bao bì các sản phẩm thuốc lá?

Trên thế giới, số lượng các nước in cảnh báo bằng hình ảnh trên vỏ bao ngày càng tăng. **70** nước đã in bằng hình ảnh, nhiều nước đang trong quá trình soạn thảo in bằng hình ảnh. Các nước Đông Nam Á có Singapore, Thailand, Malaysia, Philippines, Hong Kong, Taiwan. Có quốc gia còn quy định diện tích cảnh báo rất lớn như Uruguay (80% cả hai mặt trước và sau), Mauritius (60% mặt trước và 70% mặt sau), Australia, New Zealand (30% mặt trước và 90% mặt sau), Philippines (60% cả hai mặt trước và sau)

70. Bao gói thuốc lá “trơn” là gì? Có bao nhiêu nước đã thực hiện in bao gói Trơn các sản phẩm thuốc lá

Bao bì thuốc lá trơn là bao bì in theo chuẩn mực chung nhằm hạn chế hoặc cấm sử dụng logo, màu sắc, hình ảnh thương hiệu hoặc các thông tin quảng cáo trên bao bì thuốc lá. Tên

sản phẩm, thương hiệu thuốc lá trên bao bì chỉ được phép in theo một màu sắc và kiểu phong chữ chuẩn theo quy định

Bao bì trơn là một biện pháp truyền thông nhằm làm giảm sự hấp dẫn của các sản phẩm thuốc lá, hạn chế việc quảng cáo trên bao bì sản phẩm thuốc lá.

71. Tôi muốn cai nghiện thuốc lá, tôi có thể lấy thông tin tư vấn cai nghiện thuốc lá ở đâu?

Bộ Y tế giao Bệnh viện Bạch Mai thành lập Trung tâm Tư vấn cai nghiện thuốc lá, với nhiệm vụ tổ chức dịch vụ cai nghiện thuốc lá tại bệnh viện, thiết lập tổng đài tư vấn cai nghiện thuốc lá, tổ chức đào tạo về tư vấn cai nghiện thuốc lá cho các cán bộ y tế tại 63 tỉnh, thành phố và hỗ trợ kỹ thuật cho các cơ sở y tế triển khai dịch vụ tư vấn cai nghiện thuốc lá

Bạn có thể gọi miễn phí đến Bệnh viện Bạch Mai số 1800 – 6606 và tại Bệnh viện Nhân dân Gia Định thành phố Hồ Chí Minh số 1800 – 1214 để được tư vấn cai thuốc lá.

72. Khi bỏ thuốc, tôi bị tăng cân. Tôi phải làm gì? Liệu việc tăng cân có làm tăng thêm nguy cơ bệnh tim mạch?

Tăng cân rất thường gặp khi cai thuốc lá.

Tác giả Williamson tiến hành một nghiên cứu kéo dài trong 10 năm đánh giá tăng cân do cai thuốc lá trên hàng ngàn người, kết quả nghiên cứu có đến 2/3 người cai thuốc lá tăng cân trong đó mức tăng cân trung bình là 2,8 kg ở nam và 3,8 kg ở nữ. Vì thế khi cai thuốc lá chúng ta sẽ phải chấp nhận sự thật là trong đa số trường hợp sẽ tăng cân.

Nhưng phải Nói lại cho đúng! Thực ra không phải là người cai thuốc lá tăng cân mà là người hút thuốc lá gây quá mức và khi cai thuốc lá người cai thuốc lá phục hồi lại cân nặng bình thường. Khi so sánh cân nặng trung bình của người không hút thuốc lá với người hút thuốc lá, người ta nhận thấy cân nặng trung bình của người hút thuốc lá bao giờ cũng thấp hơn cân nặng người không hút thuốc lá có cùng giới tính, chiều cao, tuổi tác. Người hút thuốc lá sau khi cai thuốc lá thì cân nặng của họ có tăng lên nhưng cuối cùng thì cân nặng trung bình của những người cai thuốc lá sau khi tăng cân lại không hơn cân nặng trung bình của những người không hút thuốc lá. Như vậy cần phải nói lại cho đúng ở đây là người hút thuốc lá sau khi cai thuốc lá đã “phục hồi cân nặng bình thường” chứ không phải là “tăng cân” sau khi cai thuốc lá.

Chúng ta cũng cần Hiểu rõ cơ chế!

Nicotin có trong thuốc lá làm tăng cường quá trình tiêu thụ năng lượng của cơ thể thông qua các cơ chế sau:

Nicotin giảm khi cai thuốc lá như vậy sẽ dẫn đến: Giảm hoạt hóa men lipoprotein – lipase làm tăng tổng hợp và dự trữ mỡ; Giảm kích thích hệ thần kinh giao cảm làm giảm tốc độ chuyển hóa, cơ thể sẽ “tiết kiệm” được từ 200 – 300 Kcal mỗi ngày; Tăng tiết insulin làm giảm đường huyết tăng cảm giác đói và nhu cầu ăn vào. Ăn uống nhiều hơn là hậu quả của việc tăng cường dự trữ mỡ trong cơ thể, cảm giác no. Sự phục hồi tính nhạy cảm của các đầu dây thần kinh vị giác và khứu giác giúp người cai thuốc lá cảm thấy thức ăn ngon miệng hơn trước.

Như vậy một người cai thuốc lá nếu không tiết giảm ăn uống sẽ có dư thừa mỗi ngày từ 400 – 500 Kcal (trong khi đó nhu cầu năng lượng bình thường mỗi ngày của một người trưởng thành chỉ từ 2500 – 3000 Kcal). Hậu quả là chỉ cần vài tuần sau cai thuốc lá, người cai thuốc lá sẽ dễ dàng tăng từ 2 -3 kg.

Biện pháp nào khống chế tăng cân do cai thuốc lá ?

Người cai thuốc lá nên chấp nhận sự thật sẽ tăng vài kg khi cai thuốc lá vì tăng cân sau cai thuốc rất thường gặp và đôi khi là không thể tránh được bởi vì đây là “phục hồi” cân nặng bình thường chứ không thực sự là “tăng cân”, hơn nữa tăng cân xét về phương diện y khoa nhẹ nhàng hơn nhiều so với nguy cơ của việc tiếp tục hút thuốc lá. Người cai thuốc nên tập thể dục đều đặn, ăn trái cây, rau xanh để duy trì cuộc sống khoẻ mạnh.